

BẢNG GIÁ NHÀ MÁY ỚNG HDPE BÌNH MINH

(Áp dụng kể từ ngày 10/10/2011)



STT	ĐƯỜNG KÍNH	PN 8		PN 10		PN 12,5		PN 16		PN 20		Độ dài (m)
		BỀ DÀY	Giá bán	BỀ DÀY	Giá bán	BỀ DÀY	Giá bán	BỀ DÀY	Giá bán	BỀ DÀY	Giá bán	
Áp dụng cho loại ống đường kính NHỎ												
1	20	-	0	-	0	-	0	2,0	8.580	2,3	9.900	300
2	25	-	0	-	0	2,0	11.000	2,3	12.650	3,0	15.620	300
3	32	-	0	2,0	14.410	2,4	17.050	3,0	20.570	3,6	24.200	200
4	40	2,0	18.150	2,4	21.670	3,0	26.290	3,7	31.790	4,5	37.840	200
5	50	2,4	27.610	3,0	33.440	3,7	40.700	4,6	49.390	5,6	58.520	100
6	63	3,0	43.340	3,8	53.350	4,7	64.790	5,8	78.100	7,1	93.500	50
7	75	3,6	61.160	4,5	75.240	5,6	91.740	6,8	109.010	8,4	131.450	50
8	90	4,3	87.780	5,4	108.240	6,7	131.450	8,2	157.960	10,1	189.530	50
Áp dụng cho loại ống đường kính LỚN												
STT	ĐƯỜNG KÍNH	PN 6		PN 8		PN 10		PN 12,5		PN 16		Độ dài
		BỀ DÀY	Giá bán	BỀ DÀY	Giá bán	BỀ DÀY	Giá bán	BỀ DÀY	Giá bán	BỀ DÀY	Giá bán	
9	110	4,2	106.040	5,3	131.670	6,6	161.040	8,1	194.810	10,0	234.300	4, 6, 8
10	125	4,8	136.620	6,0	168.300	7,4	205.480	9,2	251.020	11,4	303.930	4, 6, 8
11	140	5,4	172.370	6,7	210.760	8,3	257.950	10,3	314.270	12,7	378.840	4, 6, 8
12	160	6,2	226.160	7,7	276.430	9,5	336.600	11,8	410.300	14,6	497.310	4, 6, 8
13	180	6,9	281.600	8,6	347.380	10,7	425.810	13,3	520.740	16,4	628.650	4, 6, 8
14	200	7,7	349.250	9,6	430.430	11,9	525.360	14,7	638.660	18,2	775.280	4, 6, 8
15	225	8,6	438.790	10,8	543.840	13,4	666.380	16,6	811.030	20,5	981.200	4, 6, 8
16	250	9,6	543.730	11,9	665.610	14,8	816.640	18,4	999.130	22,7	1.206.810	4, 6, 8
17	280	10,7	678.260	13,4	840.180	16,6	1.025.970	20,6	1.251.800	25,4	1.512.940	4, 6, 8
18	315	12,1	864.050	15,0	1.055.890	18,7	1.299.320	23,2	1.586.530	28,6	1.915.100	4, 6, 8
19	355	13,6	1.091.860	16,9	1.340.570	21,1	1.653.520	26,1	2.011.350	32,2	2.430.890	4, 6, 8
20	400	15,3	1.384.680	19,1	1.709.510	23,7	2.089.890	29,4	2.550.900	36,3	3.086.490	4, 6, 8
21	450	17,2	1.750.650	21,5	2.161.940	26,7	2.647.810	33,1	3.231.250	40,9	3.908.410	4, 6, 8
22	500	19,1	2.224.420	23,9	2.747.360	29,7	3.369.740	36,8	4.106.630	45,4	4.967.270	4, 6, 8
23	560	21,4	2.973.850	26,7	3.666.850	33,2	4.501.750	41,2	5.494.390	50,8	6.636.080	4, 6, 8
24	630	24,1	3.767.940	30,0	4.632.210	37,4	5.701.850	46,3	6.944.740	57,2	7.884.250	4, 6, 8
25	710	27,2	4.796.110	33,9	5.906.450	47,1	7.245.150	-	0	-	0	4, 6, 8
26	800	30,6	6.074.310	38,1	7.486.490	47,4	9.187.090	-	0	-	0	4, 6, 8
27	900	-	0	42,9	9.472.650	53,3	11.621.390	-	0	-	0	4, 6, 8
28	1000	-	0	47,7	11.703.230	59,3	14.362.920	-	0	-	0	4, 6, 8
29	1200	-	0	57,2	16.844.740	67,9	19.784.490	-	0	-	0	4, 6, 8

Ghi chú:

- Ống Nhựa Bình Minh sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 4427-2:2007/TCVN 7305:2008 (Hệ mét)
- Giá đã bao gồm thuế VAT 10%
- Nguyên liệu sản xuất hạt nhựa PE100

**GOOS hướng tới cải thiện hệ thống phân phối, cắt giảm giá thành sản phẩm.
Chúng tôi luôn sẵn sàng để các bạn gửi trọn niềm tin**



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯƠNG LINH

ĐC: Số 1B Tổ 19 - TT Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội

ĐT: + 84-4-3773 7548

Fax: +84-4-3837 0082

Hotline: 0933 488 996

Website: <http://choxaydung.vn>

Email: sale@choxaydung.vn

BẢNG GIÁ ỐNG VÀ PHỤ KIỆN ỐNG HDPE GÂN

(Bảng giá áp dụng từ ngày 10/10/2011)



STT	Tên sản phẩm	ĐV	Đơn giá	STT	Tên sản phẩm	ĐV	Đơn giá	STT	Tên sản phẩm	ĐV	Đơn giá
	Ống gân thành đôi Không xẻ rãnh			23	D160	Cái	50.380	38	32	-	770
1	DN110	Mét	64.750	24	D250	-	169.730	39	40	-	1.540
2	DN160	-	140.690	25	D315	-	353.540	40	50	Cái	2.200
3	DN250	-	362.120	Tê ống gân (Ba chạc 90°)				41	63	-	2.860
4	DN315	-	543.070	26	D110TC	Cái	121.660	42	75	-	3.850
5	DN500	-	1.076.020	27	D160	-	59.290	43	90	-	5.610
Loại xẻ rãnh LP/MP/TP				28	D250	-	208.450	Bình xịt thuốc trừ sâu			
6	DN110	Mét	80.850	29	D315	-	449.680	44	10 lít - BX4	Cái	226.695
7	DN160	-	174.900	Y ống gân (Ba chạc 45°)				45	5 lít - BX5	-	204.225
8	DN250	-	450.340	30	D110 TC	Cái	129.580	46	1 lít - BX3	-	71.925
9	DN315	-	675.180	Jiont cao su ống gân				47	1 lít - BX3b	-	79.485
10	DN500	-	1.345.080	31	D110	Cái	8.800	Mũ bảo hộ lao động			
Nối thẳng ống gân				32	D160	-	14.960	48		-	50.930
11	D110 TC	Cái	20.020	33	D250	-	33.440				
12	D160 TC	-	61.270	34	D315	-	56.650				
13	D250 TC	-	200.090	35	D500	-	253.000				
14	D315 TC	-	387.750	Nắp đậy ống PE							
Nối giảm ống gân				36	20	Cái	660				
15	D250x160	Cái	58.960	37	25	-	660				
16	D315x160	-	117.920								
17	D315x250	-	134.090								
Co 45° ống gân (Nối góc 45°)											
18	D110	Cái	75.900								
19	D160	-	42.240								
20	D250	-	116.710								
21	D315	-	283.030								
Co ống gân (Nối góc 90°)											
22	D110 TC	-	128.920								

Chú Ý:

Giá trên đã bao gồm thuế VAT 10%

LP: Ống xẻ rãnh 1/2 chu vi

MP: Ống xẻ rãnh 3/4 chu vi

TP: Ống xẻ rãnh toàn bộ chu vi

*GOOS hướng tới cải thiện hệ thống phân phối, cắt giảm giá thành sản phẩm.
Chúng tôi luôn sẵn sàng để các bạn gửi trọn niềm tin*



DƯƠNG LINH CO., LTD

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯƠNG LINH

ĐC: Số 1B Tổ 19 - TT Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội

ĐT: + 84-4-3773 7548

Fax: +84-4-3837 0082

Hotline: 0933 488 996

Website: <http://choxaydung.vn>

Email: sale@choxaydung.vn

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG PE HÀN NHIỆT: CO 90° (NỐI GÓC 90°)

(Áp dụng kể từ ngày 10/10/2011)



STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)
	DN90			22	160x7,7mm	8,0	300.850	44	250x18,4mm	12,5	1.488.960		DN450			87	710x33,9mm	8,0	33.224.730
1	90x4,3mm	8,0	70.730	23	160x9,5mm	10,0	364.870	45	250x22,7mm	16,0	1.794.320	66	450x17,2mm	6,0	3.827.890	88	710x42,1mm	10,0	40.756.430
2	90x5,4mm	10,0	85.360	24	160x11,8mm	12,5	443.520		DN280			67	450x21,5mm	8,0	4.716.910		710x64,5mm	16,0	60.352.160
3	90x6,7mm	12,5	104.390	25	160x14,6mm	16,0	536.690	46	280x10,7mm	6,0	1.040.160	68	450x26,7mm	10,0	5.768.950		DN800		
4	90x8,2mm	16,0	126.830		DN180			47	280x13,4mm	8,0	1.287.880	69	450x33,1mm	12,5	7.036.150	89	800x30,6mm	6,0	36.680.820
5	90x10,1mm	20,0	152.680	26	180x6,9mm	6,0	314.380	48	280x16,6mm	10,0	1.569.370	70	450x40,9mm	16,0	8.491.450	90	800x38,1mm	8,0	45.239.700
	DN110			27	180x8,6mm	8,0	387.310	49	280x20,6mm	12,5	1.911.800		DN500			91	800x47,4mm	10,0	55.591.800
6	110x4,2mm	6,0	110.000	28	180x10,7mm	10,0	472.670	50	280x25,4mm	16,0	2.307.360	71	500x19,1mm	6,0	4.998.400	92	800x72,6mm	16,0	82.279.230
7	110x5,3mm	8,0	135.850	29	180x13,3mm	12,5	577.060		DN315			72	500x23,9mm	8,0	6.155.820		DN900		
8	110x6,6mm	10,0	163.900	30	180x16,4mm	16,0	693.880	51	315x12,1mm	6,0	1.540.440	73	500x29,7mm	10,0	7.544.790	93	900x42,9mm	8,0	60.694.590
9	110x8,1mm	12,5	198.770		DN200			52	315x15,0mm	8,0	1.866.040	74	500x36,8mm	12,5	9.182.690	94	900x53,3mm	10,0	74.502.890
10	110x10,0mm	16,0	239.140	31	200x7,7mm	6,0	461.890	53	315x18,7mm	10,0	2.303.950	75	500x45,4mm	16,0	11.096.580	95	900x81,7mm	16,0	110.352.220
	DN125			32	200x9,6mm	8,0	568.370	54	315x23,2mm	12,5	2.801.260		DN560				DN1000		
11	125x4,8mm	6,0	143.660	33	200x11,9mm	10,0	692.340	55	315x28,6mm	16,0	3.370.510	76	560x21,4mm	6,0	10.480.910	96	1000x47,7mm	8,0	80.583.690
12	125x6,0mm	8,0	176.220	34	200x14,7mm	12,5	840.180		DN355			77	560x26,7mm	8,0	12.905.090	97	1000x59,3mm	10,0	98.956.770
13	125x7,4mm	10,0	215.600	35	200x18,2mm	16,0	1.019.480	56	355x13,6mm	6,0	2.183.500	78	560x33,2mm	10,0	15.836.370	98	1000x90,2mm	16,0	145.565.860
14	125x9,2mm	12,5	261.580		DN225			57	355x16,9mm	8,0	2.674.760	79	560x41,2mm	12,5	19.302.250		DN1200		
15	125x11,4mm	16,0	316.580	36	225x8,6mm	6,0	593.450	58	355x21,1mm	10,0	3.300.770	80	560x50,8mm	16,0	23.270.280	99	1200x57,2mm	8,0	131.382.570
	DN140			37	225x10,8mm	8,0	732.490	59	355x26,1mm	12,5	4.009.390		DN630			100	1200x67,9mm	10,0	154.499.620
16	140x5,4mm	6,0	186.340	38	225x13,4mm	10,0	897.710	60	355x32,2mm	16,0	4.836.480	81	630x24,1mm	6,0	13.743.070				
17	140x6,7mm	8,0	225.720	39	225x16,6mm	12,5	1.090.100		DN400			82	630x30mm	8,0	16.943.300				
18	140x8,4mm	10,0	275.110	40	225x20,5mm	16,0	1.317.250	61	400x15,3mm	6,0	2.850.760	83	630x37,4mm	10,0	20.741.820				
19	140x10,3mm	12,5	333.410		DN250			62	400x19,1mm	8,0	3.514.830	84	630x46,3mm	12,5	25.238.070				
20	140x12,7mm	16,0	399.740	41	250x9,6mm	6,0	814.000	63	400x23,7mm	10,0	4.286.480	85	630x57,2mm	16,0	30.518.400				
	DN160			42	250x11,9mm	8,0	993.410	64	400x29,4mm	12,5	5.227.750		DN710						
21	160x6,2mm	6,0	248.160	43	250x14,8mm	10,0	1.217.260	65	400x36,3mm	16,0	6.316.750	86	710x27,2mm	6,0	26.915.570				



DƯƠNG LINH CO., LTD

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯƠNG LINH

ĐC: Số 1B Tổ 19 - TT Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội

ĐT: + 84-4-3773 7548

Fax: +84-4-3837 0082

Hotline: 0933 488 996

Website: <http://choxaydung.vn>

Email: sale@choxaydung.vn

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG PE HÀN NHIỆT: CO 60° (NỐI GÓC 60°)

(Áp dụng kể từ ngày 10/10/2011)



STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)
	DN90			22	160x7,7mm	8,0	240.240	44	250x18,4mm	12,5	1.277.760		DN450			87	710x33,9mm	8,0	25.823.050
1	90x4,3mm	8,0	57.310	23	160x9,5mm	10,0	293.040	45	250x22,7mm	16,0	1.540.440	66	450x17,2mm	6,0	3.066.250	88	710x42,1mm	10,0	31.692.320
2	90x5,4mm	10,0	69.630	24	160x11,8mm	12,5	355.960		DN280			67	450x21,5mm	8,0	3.780.370		710x64,5mm	16,0	46.918.740
3	90x6,7mm	12,5	85.360	25	160x14,6mm	16,0	428.890	46	280x10,7mm	6,0	849.970	68	450x26,7mm	10,0	4.622.420		DN800		
4	90x8,2mm	16,0	102.190		DN180			47	280x13,4mm	8,0	1.052.040	69	450x33,1mm	12,5	5.637.390	89	800x30,6mm	6,0	28.366.140
5	90x10,1mm	20,0	122.430	26	180x6,9mm	6,0	251.460	48	280x16,6mm	10,0	1.282.160	70	450x40,9mm	16,0	6.803.940	90	800x38,1mm	8,0	34.969.770
	DN110			27	180x8,6mm	8,0	308.770	49	280x20,6mm	12,5	1.561.780		DN500			91	800x47,4mm	10,0	42.972.820
6	110x4,2mm	6,0	88.660	28	180x10,7mm	10,0	377.300	50	280x25,4mm	16,0	1.885.180	71	500x19,1mm	6,0	4.013.900	92	800x72,6mm	16,0	63.612.120
7	110x5,3mm	8,0	110.000	29	180x13,3mm	12,5	462.550		DN315			72	500x23,9mm	8,0	4.943.510		DN900		
8	110x6,6mm	10,0	132.440	30	180x16,4mm	16,0	554.620	51	315x12,1mm	6,0	1.282.160	73	500x29,7mm	10,0	6.059.570	93	900x42,9mm	8,0	46.838.000
9	110x8,1mm	12,5	160.600		DN200			52	315x15,0mm	8,0	1.557.270	74	500x36,8mm	12,5	7.374.290	94	900x53,3mm	10,0	57.498.650
10	110x10,0mm	16,0	191.950	31	200x7,7mm	6,0	386.210	53	315x18,7mm	10,0	1.809.940	75	500x45,4mm	16,0	8.912.530	95	900x81,7mm	16,0	85.164.200
	DN125			32	200x9,6mm	8,0	474.980	54	315x23,2mm	12,5	2.334.200		DN560				DN1000		
11	125x4,8mm	6,0	115.610	33	200x11,9mm	10,0	578.270	55	315x28,6mm	16,0	2.806.870	76	560x21,4mm	6,0	8.331.510	96	1000x47,7mm	8,0	61.705.600
12	125x6,0mm	8,0	141.460	34	200x14,7mm	12,5	701.690		DN355			77	560x26,7mm	8,0	10.261.570	97	1000x59,3mm	10,0	75.790.220
13	125x7,4mm	10,0	211.090	35	200x18,2mm	16,0	852.170	56	355x13,6mm	6,0	1.787.500	78	560x33,2mm	10,0	12.590.710	98	1000x90,2mm	16,0	111.494.240
14	125x9,2mm	12,5	254.870		DN225			57	355x16,9mm	8,0	2.190.540	79	560x41,2mm	12,5	15.345.990		DN1200		
15	125x11,4mm	16,0	332.310	36	225x8,6mm	6,0	494.010	58	355x21,1mm	10,0	2.702.480	80	560x50,8mm	16,0	18.502.110	99	1200x57,2mm	8,0	99.526.680
	DN140			37	225x10,8mm	8,0	611.930	59	355x26,1mm	12,5	3.282.950		DN630			100	1200x67,9mm	10,0	117.051.880
16	140x5,4mm	6,0	149.380	38	225x13,4mm	10,0	748.880	60	355x32,2mm	16,0	3.960.000	81	630x24,1mm	6,0	10.871.190				
17	140x6,7mm	8,0	180.730	39	225x16,6mm	12,5	909.480		DN400			82	630x30mm	8,0	13.331.780				
18	140x8,4mm	10,0	221.210	40	225x20,5mm	16,0	1.099.230	61	400x15,3mm	6,0	2.321.880	83	630x37,4mm	10,0	16.408.700				
19	140x10,3mm	12,5	267.190		DN250			62	400x19,1mm	8,0	2.864.180	84	630x46,3mm	12,5	19.962.250				
20	140x12,7mm	16,0	322.190	41	250x9,6mm	6,0	698.390	63	400x23,7mm	10,0	3.491.840	85	630x57,2mm	16,0	24.137.300				
	DN160			42	250x11,9mm	8,0	853.270	64	400x29,4mm	12,5	4.259.750		DN710						
21	160x6,2mm	6,0	197.560	43	250x14,8mm	10,0	1.045.330	65	400x36,3mm	16,0	5.145.690	86	710x27,2mm	6,0	20.932.340				



DƯƠNG LINH CO., LTD

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯƠNG LINH

ĐC: Số 1B Tổ 19 - TT Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội

ĐT: + 84-4-3773 7548

Fax: +84-4-3837 0082

Hotline: 0933 488 996

Website: http://choxaydung.vn

Email: sale@choxaydung.vn

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG PE HÀN NHIỆT: CO 45° (NỐI GÓC 45°)

(Áp dụng kể từ ngày 10/10/2011)



STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)
	DN90			22	160x7,7mm	8,0	231.330	44	250x18,4mm	12,5	1.167.320		DN450			87	710x33,9mm	8,0	26.556.970
1	90x4,3mm	8,0	52.800	23	160x9,5mm	10,0	281.820	45	250x22,7mm	16,0	1.407.450	66	450x17,2mm	6,0	2.836.680	88	710x42,1mm	10,0	32.588.930
2	90x5,4mm	10,0	64.020	24	160x11,8mm	12,5	342.430		DN280			67	450x21,5mm	8,0	3.496.570		710x64,5mm	16,0	48.239.400
3	90x6,7mm	12,5	79.750	25	160x14,6mm	16,0	413.160	46	280x10,7mm	6,0	808.610	68	450x26,7mm	10,0	4.275.480		DN800		
4	90x8,2mm	16,0	95.480		DN180			47	280x13,4mm	8,0	1.001.000	69	450x33,1mm	12,5	5.214.990	89	800x30,6mm	6,0	30.371.770
5	90x10,1mm	20,0	114.510	26	180x6,9mm	6,0	241.450	48	280x16,6mm	10,0	1.219.460	70	450x40,9mm	16,0	6.293.980	90	800x38,1mm	8,0	37.430.800
	DN110			27	180x8,6mm	8,0	295.240	49	280x20,6mm	12,5	1.485.660		DN500			91	800x47,4mm	10,0	46.005.960
6	110x4,2mm	6,0	86.460	28	180x10,7mm	10,0	361.570	50	280x25,4mm	16,0	1.793.330	71	500x19,1mm	6,0	3.774.210	92	800x72,6mm	16,0	68.112.220
7	110x5,3mm	8,0	106.700	29	180x13,3mm	12,5	440.110		DN315			72	500x23,9mm	8,0	4.649.260		DN900		
8	110x6,6mm	10,0	129.140	30	180x16,4mm	16,0	531.080	51	315x12,1mm	6,0	1.204.720	73	500x29,7mm	10,0	5.698.220	93	900x42,9mm	8,0	48.174.170
9	110x8,1mm	12,5	156.090		DN200			52	315x15,0mm	8,0	1.463.000	74	500x36,8mm	12,5	6.934.950	94	900x53,3mm	10,0	59.129.510
10	110x10,0mm	16,0	186.340	31	200x7,7mm	6,0	359.700	53	315x18,7mm	10,0	1.796.410	75	500x45,4mm	16,0	8.380.680	95	900x81,7mm	16,0	87.593.770
	DN125			32	200x9,6mm	8,0	442.310	54	315x23,2mm	12,5	2.195.050		DN560				DN1000		
11	125x4,8mm	6,0	111.100	33	200x11,9mm	10,0	539.110	55	315x28,6mm	16,0	2.636.260	76	560x21,4mm	6,0	7.310.050	96	1000x47,7mm	8,0	63.466.040
12	125x6,0mm	8,0	135.850	34	200x14,7mm	12,5	654.280		DN355			77	560x26,7mm	8,0	9.001.630	97	1000x59,3mm	10,0	77.926.420
13	125x7,4mm	10,0	168.410	35	200x18,2mm	16,0	793.430	56	355x13,6mm	6,0	1.702.140	78	560x33,2mm	10,0	11.046.420	98	1000x90,2mm	16,0	114.639.800
14	125x9,2mm	12,5	203.170		DN225			57	355x16,9mm	8,0	2.084.940	79	560x41,2mm	12,5	13.464.440		DN1200		
15	125x11,4mm	16,0	245.850	36	225x8,6mm	6,0	458.700	58	355x21,1mm	10,0	2.572.240	80	560x50,8mm	16,0	16.232.480	99	1200x57,2mm	8,0	102.347.630
	DN140			37	225x10,8mm	8,0	566.280	59	355x26,1mm	12,5	3.124.660		DN630			100	1200x67,9mm	10,0	120.362.000
16	140x5,4mm	6,0	143.660	38	225x13,4mm	10,0	693.440	60	355x32,2mm	16,0	3.770.250	81	630x24,1mm	6,0	9.973.810				
17	140x6,7mm	8,0	174.020	39	225x16,6mm	12,5	842.270		DN400			82	630x30mm	8,0	12.233.320				
18	140x8,4mm	10,0	213.290	40	225x20,5mm	16,0	1.017.280	61	400x15,3mm	6,0	2.200.880	83	630x37,4mm	10,0	15.055.480				
19	140x10,3mm	12,5	259.380		DN250			62	400x19,1mm	8,0	2.714.470	84	630x46,3mm	12,5	18.350.200				
20	140x12,7mm	16,0	310.970	41	250x9,6mm	6,0	638.000	63	400x23,7mm	10,0	3.310.450	85	630x57,2mm	16,0	22.148.720				
	DN160			42	250x11,9mm	8,0	779.240	64	400x29,4mm	12,5	4.037.220		DN710						
21	160x6,2mm	6,0	189.750	43	250x14,8mm	10,0	955.350	65	400x36,3mm	16,0	4.878.170	86	710x27,2mm	6,0	21.519.410				



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯƠNG LINH

ĐC: Số 1B Tổ 19 - TT Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội

ĐT: + 84-4-3773 7548

Fax: +84-4-3837 0082

Hotline: 0933 488 996

Website: <http://choxaydung.vn>

Email: sale@choxaydung.vn

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG PE HÀN NHIỆT: CHỮ T 90° (BA CHẠC 90°)

(Áp dụng kể từ ngày 10/10/2011)



STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)
	DN90			22	160x7,7mm	8,0	303.270	44	250x18,4mm	12,5	1.635.700		DN450			87	710x33,9mm	8,0	37.365.570
1	90x4,3mm	8,0	66.330	23	160x9,5mm	10,0	370.590	45	250x22,7mm	16,0	1.976.920	66	450x17,2mm	6,0	4.073.520	88	710x42,1mm	10,0	45.908.060
2	90x5,4mm	10,0	79.310	24	160x11,8mm	12,5	451.000		DN280			67	450x21,5mm	8,0	5.030.960		710x64,5mm	16,0	68.258.960
3	90x6,7mm	12,5	97.790	25	160x14,6mm	16,0	546.700	46	280x10,7mm	6,0	1.136.850	68	450x26,7mm	10,0	6.166.710		DN800		
4	90x8,2mm	16,0	119.020		DN180			47	280x13,4mm	8,0	1.409.650	69	450x33,1mm	12,5	7.543.800	89	800x30,6mm	6,0	41.196.650
5	90x10,1mm	20,0	143.440	26	180x6,9mm	6,0	317.350	48	280x16,6mm	10,0	1.721.500	70	450x40,9mm	16,0	9.135.940	90	800x38,1mm	8,0	50.864.110
	DN110			27	180x8,6mm	8,0	391.270	49	280x20,6mm	12,5	2.102.980		DN500			91	800x47,4mm	10,0	62.601.990
6	110x4,2mm	6,0	114.070	28	180x10,7mm	10,0	479.270	50	280x25,4mm	16,0	2.546.500	71	500x19,1mm	6,0	5.385.270	92	800x72,6mm	16,0	93.055.160
7	110x5,3mm	8,0	141.240	29	180x13,3mm	12,5	587.950		DN315			72	500x23,9mm	8,0	6.648.180		DN900		
8	110x6,6mm	10,0	171.710	30	180x16,4mm	16,0	717.310	51	315x12,1mm	6,0	1.702.030	73	500x29,7mm	10,0	8.167.610	93	900x42,9mm	8,0	68.845.810
9	110x8,1mm	12,5	207.570		DN200			52	315x15,0mm	8,0	2.074.820	74	500x36,8mm	12,5	9.971.720	94	900x53,3mm	10,0	84.626.740
10	110x10,0mm	16,0	247.830	31	200x7,7mm	6,0	487.960	53	315x18,7mm	10,0	2.556.290	75	500x45,4mm	16,0	12.094.390	95	900x81,7mm	16,0	125.921.180
	DN125			32	200x9,6mm	8,0	601.040	54	315x23,2mm	12,5	3.127.960		DN560				DN1000		
11	125x4,8mm	6,0	143.440	33	200x11,9mm	10,0	732.490	55	315x28,6mm	16,0	3.778.940	76	560x21,4mm	6,0	10.034.200	96	1000x47,7mm	8,0	90.609.750
12	125x6,0mm	8,0	176.110	34	200x14,7mm	12,5	892.320		DN355			77	560x26,7mm	8,0	12.362.240	97	1000x59,3mm	10,0	111.460.800
13	125x7,4mm	10,0	216.260	35	200x18,2mm	16,0	1.084.710	56	355x13,6mm	6,0	2.392.170	78	560x33,2mm	10,0	15.182.640	98	1000x90,2mm	16,0	164.721.370
14	125x9,2mm	12,5	264.110		DN225			57	355x16,9mm	8,0	2.936.670	79	560x41,2mm	12,5	18.521.360		DN1200		
15	125x11,4mm	16,0	319.550	36	225x8,6mm	6,0	628.210	58	355x21,1mm	10,0	3.631.100	80	560x50,8mm	16,0	22.347.600	99	1200x57,2mm	8,0	146.429.910
	DN140			37	225x10,8mm	8,0	778.140	59	355x26,1mm	12,5	4.420.130		DN630			100	1200x67,9mm	10,0	172.432.480
16	140x5,4mm	6,0	184.800	38	225x13,4mm	10,0	954.250	60	355x32,2mm	16,0	5.348.310	81	630x24,1mm	6,0	11.923.670				
17	140x6,7mm	8,0	226.050	39	225x16,6mm	12,5	1.161.820		DN400			82	630x30mm	8,0	14.613.610				
18	140x8,4mm	10,0	276.100	40	225x20,5mm	16,0	1.407.450	61	400x15,3mm	6,0	3.123.560	83	630x37,4mm	10,0	17.962.230				
19	140x10,3mm	12,5	336.930		DN250			62	400x19,1mm	8,0	3.860.450	84	630x46,3mm	12,5	21.817.730				
20	140x12,7mm	16,0	405.350	41	250x9,6mm	6,0	889.020	63	400x23,7mm	10,0	4.718.010	85	630x57,2mm	16,0	26.318.930				
	DN160			42	250x11,9mm	8,0	1.086.800	64	400x29,4mm	12,5	5.768.950		DN710						
21	160x6,2mm	6,0	248.930	43	250x14,8mm	10,0	1.334.630	65	400x36,3mm	16,0	6.992.700	86	710x27,2mm	6,0	30.241.310				

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG PE HÀN NHIỆT: CHỮ T 60° (BA CHẠC 60°)

(Áp dụng kể từ ngày 10/10/2011)



STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)
	DN90			22	160x7,7mm	8,0	332.530	44	250x18,4mm	12,5	1.897.610		DN450			87	710x33,9mm	8,0	40.919.450
1	90x4,3mm	8,0	51.040	23	160x9,5mm	10,0	404.250	45	250x22,7mm	16,0	2.268.200	66	450x17,2mm	6,0	4.619.120	88	710x42,1mm	10,0	50.277.150
2	90x5,4mm	10,0	61.930	24	160x11,8mm	12,5	497.750		DN280			67	450x21,5mm	8,0	5.695.030		710x64,5mm	16,0	74.799.980
3	90x6,7mm	12,5	76.120	25	160x14,6mm	16,0	604.230	46	280x10,7mm	6,0	1.325.940	68	450x26,7mm	10,0	6.988.410		DN800		
4	90x8,2mm	16,0	92.400		DN180			47	280x13,4mm	8,0	1.625.910	69	450x33,1mm	12,5	8.542.600	89	800x30,6mm	6,0	45.207.140
5	90x10,1mm	20,0	110.880	26	180x6,9mm	6,0	345.620	48	280x16,6mm	10,0	2.029.170	70	450x40,9mm	16,0	10.346.710	90	800x38,1mm	8,0	55.820.050
	DN110			27	180x8,6mm	8,0	429.330	49	280x20,6mm	12,5	2.388.870		DN500			91	800x47,4mm	10,0	68.715.460
6	110x4,2mm	6,0	118.470	28	180x10,7mm	10,0	524.920	50	280x25,4mm	16,0	2.916.980	71	500x19,1mm	6,0	5.912.390	92	800x72,6mm	16,0	102.201.000
7	110x5,3mm	8,0	146.740	29	180x13,3mm	12,5	642.290		DN315			72	500x23,9mm	8,0	7.303.560		DN900		
8	110x6,6mm	10,0	178.200	30	180x16,4mm	16,0	780.340	51	315x12,1mm	6,0	1.908.500	73	500x29,7mm	10,0	8.977.320	93	900x42,9mm	8,0	76.002.630
9	110x8,1mm	12,5	215.160		DN200			52	315x15,0mm	8,0	2.328.040	74	500x36,8mm	12,5	10.955.340	94	900x53,3mm	10,0	93.462.710
10	110x10,0mm	16,0	258.720	31	200x7,7mm	6,0	532.510	53	315x18,7mm	10,0	2.961.640	75	500x45,4mm	16,0	13.292.070	95	900x81,7mm	16,0	139.126.350
	DN125			32	200x9,6mm	8,0	662.970	54	315x23,2mm	12,5	3.462.690		DN560				DN1000		
11	125x4,8mm	6,0	166.320	33	200x11,9mm	10,0	804.210	55	315x28,6mm	16,0	4.234.340	76	560x21,4mm	6,0	12.601.930	96	1000x47,7mm	8,0	100.456.620
12	125x6,0mm	8,0	189.090	34	200x14,7mm	12,5	978.120		DN355			77	560x26,7mm	8,0	15.552.680	97	1000x59,3mm	10,0	123.589.950
13	125x7,4mm	10,0	233.640	35	200x18,2mm	16,0	1.195.480	56	355x13,6mm	6,0	2.651.880	78	560x33,2mm	10,0	19.122.950	98	1000x90,2mm	16,0	182.719.640
14	125x9,2mm	12,5	286.880		DN225			57	355x16,9mm	8,0	3.260.510	79	560x41,2mm	12,5	23.394.250		DN1200		
15	125x11,4mm	16,0	346.720	36	225x8,6mm	6,0	695.530	58	355x21,1mm	10,0	4.032.160	80	560x50,8mm	16,0	28.301.350	99	1200x57,2mm	8,0	163.417.210
	DN140			37	225x10,8mm	8,0	858.550	59	355x26,1mm	12,5	4.912.490		DN630			100	1200x67,9mm	10,0	192.468.430
16	140x5,4mm	6,0	201.080	38	225x13,4mm	10,0	1.054.240	60	355x32,2mm	16,0	5.934.170	81	630x24,1mm	6,0	16.711.750				
17	140x6,7mm	8,0	245.630	39	225x16,6mm	12,5	1.293.380		DN400			82	630x30mm	8,0	20.541.290				
18	140x8,4mm	10,0	302.170	40	225x20,5mm	16,0	1.565.080	61	400x15,3mm	6,0	3.499.650	83	630x37,4mm	10,0	25.350.490				
19	140x10,3mm	12,5	367.400		DN250			62	400x19,1mm	8,0	4.325.640	84	630x46,3mm	12,5	30.958.620				
20	140x12,7mm	16,0	441.210	41	250x9,6mm	6,0	1.012.880	63	400x23,7mm	10,0	5.282.090	85	630x57,2mm	16,0	37.579.080				
	DN160			42	250x11,9mm	8,0	1.254.220	64	400x29,4mm	12,5	6.466.680		DN710						
21	160x6,2mm	6,0	275.000	43	250x14,8mm	10,0	1.553.090	65	400x36,3mm	16,0	7.836.070	86	710x27,2mm	6,0	33.110.550				



DƯƠNG LINH CO., LTD

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯƠNG LINH

ĐC: Số 1B Tổ 19 - TT Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội

ĐT: + 84-4-3773 7548

Fax: +84-4-3837 0082

Hotline: 0933 488 996

Website: <http://choxaydung.vn>

Email: sale@choxaydung.vn

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG PE HÀN NHIỆT: CHỮ Y 60° (CHỮ Y CÂN 60°)

(Áp dụng kể từ ngày 10/10/2011)



STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)
	DN90			22	160x7,7mm	8,0	314.050	44	250x18,4mm	12,5	1.705.220		DN450			87	710x33,9mm	8,0	39.729.470
1	90x4,3mm	8,0	68.420	23	160x9,5mm	10,0	382.580	45	250x22,7mm	16,0	2.062.830	66	450x17,2mm	6,0	4.454.010	88	710x42,1mm	10,0	48.826.250
2	90x5,4mm	10,0	83.710	24	160x11,8mm	12,5	459.690		DN280			67	450x21,5mm	8,0	5.500.440		710x64,5mm	16,0	72.628.050
3	90x6,7mm	12,5	102.190	25	160x14,6mm	16,0	566.280	46	280x10,7mm	6,0	1.208.570	68	450x26,7mm	10,0	6.742.230		DN800		
4	90x8,2mm	16,0	123.860		DN180			47	280x13,4mm	8,0	1.491.160	69	450x33,1mm	12,5	8.249.010	89	800x30,6mm	6,0	42.288.950
5	90x10,1mm	20,0	149.930	26	180x6,9mm	6,0	326.040	48	280x16,6mm	10,0	1.843.270	70	450x40,9mm	16,0	9.990.420	90	800x38,1mm	8,0	52.217.220
	DN110			27	180x8,6mm	8,0	404.250	49	280x20,6mm	12,5	2.247.630		DN500			91	800x47,4mm	10,0	64.297.420
6	110x4,2mm	6,0	110.880	28	180x10,7mm	10,0	505.340	50	280x25,4mm	16,0	2.731.190	71	500x19,1mm	6,0	5.753.220	92	800x72,6mm	16,0	95.647.310
7	110x5,3mm	8,0	140.250	29	180x13,3mm	12,5	622.710		DN315			72	500x23,9mm	8,0	7.102.480		DN900		
8	110x6,6mm	10,0	171.710	30	180x16,4mm	16,0	750.970	51	315x12,1mm	6,0	1.763.960	73	500x29,7mm	10,0	8.272.290	93	900x42,9mm	8,0	73.606.170
9	110x8,1mm	12,5	206.470		DN200			52	315x15,0mm	8,0	2.150.830	74	500x36,8mm	12,5	10.656.470	94	900x53,3mm	10,0	90.495.680
10	110x10,0mm	16,0	258.720	31	200x7,7mm	6,0	519.530	53	315x18,7mm	10,0	2.650.780	75	500x45,4mm	16,0	15.223.340	95	900x81,7mm	16,0	134.724.590
	DN125			32	200x9,6mm	8,0	640.200	54	315x23,2mm	12,5	3.244.230		DN560				DN1000		
11	125x4,8mm	6,0	148.940	33	200x11,9mm	10,0	781.440	55	315x28,6mm	16,0	3.920.180	76	560x21,4mm	6,0	12.083.830	96	1000x47,7mm	8,0	97.147.160
12	125x6,0mm	8,0	182.600	34	200x14,7mm	12,5	950.950		DN355			77	560x26,7mm	8,0	14.348.880	97	1000x59,3mm	10,0	119.530.620
13	125x7,4mm	10,0	228.250	35	200x18,2mm	16,0	1.156.430	56	355x13,6mm	6,0	2.633.400	78	560x33,2mm	10,0	18.348.880	98	1000x90,2mm	16,0	176.736.340
14	125x9,2mm	12,5	277.090		DN225			57	355x16,9mm	8,0	3.232.240	79	560x41,2mm	12,5	22.437.910		DN1200		
15	125x11,4mm	16,0	338.030	36	225x8,6mm	6,0	682.550	58	355x21,1mm	10,0	3.996.300	80	560x50,8mm	16,0	27.153.610	99	1200x57,2mm	8,0	159.178.470
	DN140			37	225x10,8mm	8,0	844.470	59	355x26,1mm	12,5	4.865.740		DN630			100	1200x67,9mm	10,0	185.751.720
16	140x5,4mm	6,0	192.390	38	225x13,4mm	10,0	1.036.860	60	355x32,2mm	16,0	5.888.520	81	630x24,1mm	6,0	15.999.390				
17	140x6,7mm	8,0	235.840	39	225x16,6mm	12,5	1.261.810		DN400			82	630x30mm	8,0	19.669.210				
18	140x8,4mm	10,0	278.190	40	225x20,5mm	16,0	1.528.120	61	400x15,3mm	6,0	3.377.880	83	630x37,4mm	10,0	24.275.350				
19	140x10,3mm	12,5	353.210		DN250			62	400x19,1mm	8,0	4.174.500	84	630x46,3mm	12,5	29.635.980				
20	140x12,7mm	16,0	411.950	41	250x9,6mm	6,0	960.740	63	400x23,7mm	10,0	5.102.680	85	630x57,2mm	16,0	35.986.940				
	DN160			42	250x11,9mm	8,0	1.141.140	64	400x29,4mm	12,5	6.239.200		DN710						
21	160x6,2mm	6,0	255.420	43	250x14,8mm	10,0	1.396.560	65	400x36,3mm	16,0	7.565.250	86	710x27,2mm	6,0	32.148.710				



DƯƠNG LINH CO., LTD

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯƠNG LINH

ĐC: Số 1B Tổ 19 - TT Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội

ĐT: + 84-4-3773 7548

Fax: +84-4-3837 0082

Hotline: 0933 488 996

Website: <http://choxaydung.vn>

Email: sale@choxaydung.vn

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG PE HÀN NHIỆT: CHỮ T THU (BA CHẠC GIẢM BẠC)

(Áp dụng kể từ ngày 10/10/2011)



STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)
	DN315x63			22	355x90x16,9mm	8,0	2.308.680	44	400x200x29,4mm	12,5	5.342.150		DN500x200		
1	315x63x12,1mm	6,0	1.253.670	23	355x90x21,1mm	10,0	2.898.500	45	400x200x36,3mm	16,0	6.470.310	66	500x200x19,1mm	6,0	4.592.280
2	315x63x15,0mm	8,0	1.534.060	24	355x90x26,1mm	12,5	3.527.810		DN450x160			67	500x200x23,9mm	8,0	5.586.790
3	315x63x18,7mm	10,0	1.897.610	25	355x90x32,2mm	16,0	4.271.190	46	450x160x17,2mm	6,0	3.364.790	68	500x200x29,7mm	10,0	6.980.600
4	315x63x23,2mm	12,5	2.310.000		DN355x110			47	450x160x21,5mm	8,0	4.089.360	69	500x200x36,8mm	12,5	8.521.150
5	315x63x28,6mm	16,0	2.804.010	26	355x110x13,6mm	6,0	1.964.380	48	450x160x26,7mm	10,0	5.104.220	70	500x200x45,4mm	16,0	10.317.560
	DN315x90			27	355x110x16,9mm	8,0	2.414.390	49	450x160x33,1mm	12,5	6.242.060		DN500x225		
6	315x90x12,1mm	6,0	1.318.790	28	355x110x21,1mm	10,0	2.981.660	50	450x160x40,9mm	16,0	7.564.150	71	500x225x19,1mm	6,0	4.760.250
7	315x90x15,0mm	8,0	1.635.150	29	355x110x26,1mm	12,5	3.630.440		DN450x200			72	500x225x23,9mm	8,0	5.896.440
8	315x90x18,7mm	10,0	2.001.890	30	355x110x32,2mm	16,0	4.412.980	51	450x200x17,2mm	6,0	3.614.160	73	500x225x29,7mm	10,0	7.238.110
9	315x90x23,2mm	12,5	2.451.790		DN355x160			52	450x200x21,5mm	8,0	4.386.910	74	500x225x36,8mm	12,5	8.832.450
10	315x90x28,6mm	16,0	2.967.030	31	355x160x13,6mm	6,0	2.125.750	53	450x200x26,7mm	10,0	5.480.750	75	500x225x45,4mm	16,0	10.694.200
	DN315x110			32	355x160x16,9mm	8,0	2.569.380	54	450x200x33,1mm	12,5	6.678.980		DN560x160		
11	315x110x12,1mm	6,0	1.377.530	33	355x160x21,1mm	10,0	3.229.490	55	450x200x40,9mm	16,0	8.100.510	76	560x160x21,4mm	6,0	6.077.390
12	315x110x15,0mm	8,0	1.649.450	34	355x160x26,1mm	12,5	3.943.500		DN450x225			77	560x160x26,7mm	8,0	6.975.540
13	315x110x18,7mm	10,0	2.085.050	35	355x160x32,2mm	16,0	4.776.530	56	450x225x17,2mm	6,0	3.741.320	78	560x160x33,2mm	10,0	8.731.360
14	315x110x23,2mm	12,5	2.538.250		DN400x160			57	450x225x21,5mm	8,0	4.641.320	79	560x160x41,2mm	12,5	10.669.670
15	315x110x28,6mm	16,0	3.076.150	36	400x160x15,3mm	6,0	2.680.040	58	450x225x26,7mm	10,0	5.681.280	80	560x160x50,8mm	16,0	12.912.900
	DN355x63			37	400x160x19,1mm	8,0	3.319.140	59	450x225x33,1mm	12,5	6.944.740		DN560x200		
16	355x63x13,6mm	6,0	1.824.240	38	400x160x23,7mm	10,0	4.060.870	60	450x225x40,9mm	16,0	8.416.760	81	560x200x21,4mm	6,0	6.077.390
17	355x63x16,9mm	8,0	2.251.370	39	400x160x29,4mm	12,5	4.954.180		DN500x160			82	560x200x26,7mm	8,0	7.367.470
18	355x63x21,1mm	10,0	2.777.830	40	400x160x36,3mm	16,0	6.015.460	61	500x160x19,1mm	6,0	4.326.520	83	560x200x33,2mm	10,0	9.222.070
19	355x63x26,1mm	12,5	3.385.910		DN400x200			62	500x160x23,9mm	8,0	5.257.230	84	560x200x41,2mm	12,5	11.267.960
20	355x63x32,2mm	16,0	4.091.780	41	400x200x15,3mm	6,0	2.880.570	63	500x160x29,7mm	10,0	6.571.400	85	560x200x50,8mm	16,0	13.638.350
	DN355x90			42	400x200x19,1mm	8,0	3.573.460	64	500x160x36,8mm	12,5	8.019.000				
21	355x90x13,6mm	6,0	1.905.750	43	400x200x23,7mm	10,0	4.372.170	65	500x160x45,4mm	16,0	9.716.080				



DƯƠNG LINH CO., LTD

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯƠNG LINH

ĐC: Số 1B Tổ 19 - TT Cầu Diễn - Từ Liêm - Hà Nội

ĐT: + 84-4-3773 7548

Fax: +84-4-3837 0082

Hotline: 0933 488 996

Website: <http://choxaydung.vn>

Email: sale@choxaydung.vn

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG PE HÀN NHIỆT: CHỮ T THU (BA CHẠC GIẢM BẠC)

(Áp dụng kể từ ngày 10/10/2011)



STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)
	DN560x225			22	630x250x30,0mm	8,0	10.064.890		DN800x315		
1	560x225x21,4mm	6,0	6.271.430	23	630x250x37,4mm	10,0	12.391.170	43	800x315x30,6mm	6,0	26.065.380
2	560x225x26,7mm	8,0	7.746.750	24	630x250x46,3mm	12,5	15.120.160	44	800x315x38,1mm	8,0	32.134.630
3	560x225x33,2mm	10,0	9.515.550	25	630x250x57,2mm	16,0	18.320.280	45	800x315x47,4mm	10,0	39.491.760
4	560x225x41,2mm	12,5	11.628.320		DN630x315				DN800x400		
5	560x225x50,8mm	16,0	14.073.620	26	630x315x24,1mm	6,0	8.900.980	46	800x400x30,6mm	6,0	27.581.510
	DN560x250			27	630x315x30,0mm	8,0	10.969.640	47	800x400x38,1mm	8,0	34.011.010
6	560x250x21,4mm	6,0	6.511.010	28	630x315x37,4mm	10,0	13.507.890	48	800x400x47,4mm	10,0	41.793.620
7	560x250x26,7mm	8,0	7.892.280	29	630x315x46,3mm	12,5	16.473.270		DN900x315		
8	560x250x33,2mm	10,0	9.877.450	30	630x315x57,2mm	16,0	19.968.410	49	900x315x42,9mm	8,0	42.403.350
9	560x250x41,2mm	12,5	12.081.520		DN710x250			50	900x315x53,3mm	10,0	52.046.060
10	560x250x50,8mm	16,0	14.611.520	31	710x250x27,2mm	6,0	18.861.480		DN900x400		
	DN630x200			32	710x250x33,9mm	8,0	22.841.720	51	900x400x42,9mm	8,0	44.617.210
11	630x200x24,1mm	6,0	7.652.150	33	710x250x42,1mm	10,0	28.554.790	52	900x400x53,3mm	10,0	54.758.660
12	630x200x30,0mm	8,0	9.434.040		DN710x280				DN1000x315		
13	630x200x37,4mm	10,0	11.615.230	35	710x250x27,2mm	6,0	19.225.030	53	1000x315x47,7mm	8,0	53.532.490
14	630x200x46,3mm	12,5	14.161.620	36	710x250x33,9mm	8,0	23.726.010	54	1000x315x59,3mm	10,0	66.988.570
15	630x200x57,2mm	16,0	17.169.350		DN710x315				DN1000x400		
	DN630x225			37	710x250x27,2mm	6,0	19.728.830	55	1000x400x47,7mm	8,0	56.074.700
16	630x225x24,1mm	6,0	7.885.350	38	710x250x33,9mm	8,0	23.891.230	56	1000x400x59,3mm	10,0	70.165.570
17	630x225x30,0mm	8,0	9.540.190	39	710x250x42,1mm	10,0	29.868.740		DN1200x400		
18	630x225x37,4mm	10,0	11.968.990		DN710x355			57	1200x400x57,2mm	8,0	86.704.750
19	630x225x46,3mm	12,5	14.595.240	40	710x250x27,2mm	6,0	20.379.260	58	1200x400x67,9mm	10,0	103.956.820
20	630x225x57,2mm	16,0	17.694.270	41	710x250x33,9mm	8,0	25.146.000		DN1200x450		
	DN630x250				DN800x280			59	1200x450x57,2mm	8,0	90.367.310
21	630x250x24,1mm	6,0	8.165.740	42	800x280x47,4mm	10,0	38.595.150	60	1200x450x67,9mm	10,0	106.353.170

Ghi Chú:

- Giá trên đã bao gồm thuế VAT 10%
- Áp lực trên phụ tùng là áp lực danh nghĩa

"GOOS hướng tới cải thiện hệ thống phân phối, cắt giảm giá thành sản phẩm.

Chúng tôi luôn sẵn sàng để các bạn gửi trọn niềm tin"

BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG PE HÀN NHIỆT: TỬ THÔNG

(Áp dụng kể từ ngày 10/10/2011)



STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)	STT	TÊN SP	PN (bar)	Giá bán (đ/cái)
	DN90			22	160x7,7mm	8,0	369.490	44	250x18,4mm	12,5	2.099.790		DN450			87	710x33,9mm	8,0	46.429.790
1	90x4,3mm	8,0	85.910	23	160x9,5mm	10,0	452.100	45	250x22,7mm	16,0	2.581.260	66	450x17,2mm	6,0	4.915.790	88	710x42,1mm	10,0	57.107.930
2	90x5,4mm	10,0	103.290	24	160x11,8mm	12,5	552.090		DN280			67	450x21,5mm	8,0	6.078.710		710x64,5mm	16,0	85.132.080
3	90x6,7mm	12,5	128.260	25	160x14,6mm	16,0	668.360	46	280x10,7mm	6,0	1.443.310	68	450x26,7mm	10,0	7.462.290		DN800		
4	90x8,2mm	16,0	154.330		DN180			47	280x13,4mm	8,0	1.802.020	69	450x33,1mm	12,5	9.146.830	89	800x30,6mm	6,0	50.847.830
5	90x10,1mm	20,0	185.900	26	180x6,9mm	6,0	385.880	48	280x16,6mm	10,0	2.267.100	70	450x40,9mm	16,0	11.102.080	90	800x38,1mm	8,0	62.830.240
	DN110			27	180x8,6mm	8,0	530.420	49	280x20,6mm	12,5	2.718.210		DN500			91	800x47,4mm	10,0	77.420.970
6	110x4,2mm	6,0	136.950	28	180x10,7mm	10,0	646.690	50	280x25,4mm	16,0	3.273.600	71	500x19,1mm	6,0	6.874.230	92	800x72,6mm	16,0	115.422.340
7	110x5,3mm	8,0	168.410	29	180x13,3mm	12,5	786.830		DN315			72	500x23,9mm	8,0	8.193.680		DN900		
8	110x6,6mm	10,0	205.370	30	180x16,4mm	16,0	956.450	51	315x12,1mm	6,0	2.267.100	73	500x29,7mm	10,0	10.138.040	93	900x42,9mm	8,0	84.822.430
9	110x8,1mm	12,5	249.920		DN200			52	315x15,0mm	8,0	3.607.230	74	500x36,8mm	12,5	12.421.530	94	900x53,3mm	10,0	104.401.770
10	110x10,0mm	16,0	298.870	31	200x7,7mm	6,0	604.230	53	315x18,7mm	10,0	4.465.780	75	500x45,4mm	16,0	14.645.180	95	900x81,7mm	16,0	155.836.450
	DN125			32	200x9,6mm	8,0	745.580	54	315x23,2mm	12,5	5.446.100		DN560				DN1000		
11	125x4,8mm	6,0	177.100	33	200x11,9mm	10,0	909.700	55	315x28,6mm	16,0	6.601.430	76	560x21,4mm	6,0	12.204.170	96	1000x47,7mm	8,0	111.265.220
12	125x6,0mm	8,0	218.460	34	200x14,7mm	12,5	1.108.580		DN355			77	560x26,7mm	8,0	15.057.020	97	1000x59,3mm	10,0	137.039.540
13	125x7,4mm	10,0	266.310	35	200x18,2mm	16,0	1.350.910	56	355x13,6mm	6,0	2.936.670	78	560x33,2mm	10,0	18.521.360	98	1000x90,2mm	16,0	203.179.240
14	125x9,2mm	12,5	326.040		DN225			57	355x16,9mm	8,0	3.607.230	79	560x41,2mm	12,5	22.637.780		DN1200		
15	125x11,4mm	16,0	395.560	36	225x8,6mm	6,0	772.750	58	355x21,1mm	10,0	4.465.780	80	560x50,8mm	16,0	27.766.530	99	1200x57,2mm	8,0	178.741.640
	DN140			37	225x10,8mm	8,0	957.550	59	355x26,1mm	12,5	5.446.100		DN630			100	1200x67,9mm	10,0	210.710.940
16	140x5,4mm	6,0	227.150	38	225x13,4mm	10,0	1.177.000	60	355x32,2mm	16,0	6.601.430	81	630x24,1mm	6,0	14.594.030				
17	140x6,7mm	8,0	276.100	39	225x16,6mm	12,5	1.434.620		DN400			82	630x30mm	8,0	17.908.440				
18	140x8,4mm	10,0	340.230	40	225x20,5mm	16,0	1.741.080	61	400x15,3mm	6,0	3.802.810	83	630x37,4mm	10,0	22.049.280				
19	140x10,3mm	12,5	415.140		DN250			62	400x19,1mm	8,0	4.703.820	84	630x46,3mm	12,5	26.834.060				
20	140x12,7mm	16,0	502.150	41	250x9,6mm	6,0	1.195.480	63	400x23,7mm	10,0	5.756.960	85	630x57,2mm	16,0	31.988.990				
	DN160			42	250x11,9mm	8,0	1.364.000	64	400x29,4mm	12,5	7.052.540		DN710						
21	160x6,2mm	6,0	303.270	43	250x14,8mm	10,0	1.703.130	65	400x36,3mm	16,0	8.566.470	86	710x27,2mm	6,0	37.544.870				

Ghi chú: Áp lực trên của phụ tùng là áp lực danh nghĩa